



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K
THANG LONG T.D.K AUDITING AND VALUATION CO., LTD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG THỦY BỘ HẬU GIANG
MST: 1800547026-002

CHI NHÁNH MIỀN NAM: C14, Quang Trung, P. 11, Q. Gò Vấp, TP HCM
Tel: 028-35897462-35897463-22164309 Fax: 028-35897464
Email: kiemtoantdk@gmail.com thanglongtdks@gmail.com
Web: www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG THỦY BỘ HẬU GIANG
MST: 1 8 0 0 5 4 7 0 2 6 – 0 0 2

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
3. CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối tài khoản niên độ hiện tại kết thúc vào ngày 31/12/2017	5 - 7
- Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng năm 2017	8 - 11
- Báo cáo thu - chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh	12 - 13
- Báo cáo tình hình tăng giảm tài sản cố định năm 2017	14
- Thuyết minh các Báo cáo tài chính của niên độ hiện tại kết thúc vào ngày 31/12/2017	15 - 17

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HOÀNG TUẤN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số: 12876 Quyển: 03 ngày 25/11/2019
CÔNG CHỨNG VIÊN


Phạm Hiếu Liêm

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc trình bày báo cáo này kết hợp với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Trung tâm Đăng Kiểm Phương Tiện Giao Thông Thủy Bộ Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Trung tâm") kết thúc vào ngày 31/12/2017.

1. Thành viên Ban Giám Đốc

Các thành viên Ban Giám Đốc Trung tâm đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|----------------------------|----------------|
| 1. Ông: Ngô Minh Khang | Giám Đốc |
| 2. Ông: Dương Anh Tuấn | Phó Giám Đốc |
| 3. Bà: Phan Thị Thanh Diên | Kế toán trưởng |

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở hoạt động của Trung tâm: số 420 Quốc lộ 1, Thị trấn Cái Tắc, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

3. Đặc điểm và tình hình hoạt động

– **Loại hình doanh nghiệp:** Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở Giao thông vận tải Tỉnh Hậu Giang.

– **Nhiệm vụ của Trung tâm:**

- Xây dựng, trình Giám đốc Sở GTVT kế hoạch ngắn hạn, dài hạn và hàng năm về công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới), xe máy chuyên dùng, phương tiện thủy nội địa trong toàn tỉnh.
- Thực hiện việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ, xe máy chuyên dùng và phương tiện thủy nội địa theo quy định. Người đứng đầu đơn vị kiểm định và người trực tiếp thực hiện việc kiểm định phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định;
- Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa để duy trì độ chính xác của trang, thiết bị kiểm định theo quy định giữa hai kỳ kiểm chuẩn và trình Sở GTVT xem xét, chấp thuận đầu tư trang bị máy móc, thiết bị kiểm định theo quy định của Bộ GTVT và Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Lập biên bản khi gặp sự cố khách quan phải tạm ngừng hoạt động kiểm định và báo cáo về cơ quan quản lý chuyên ngành;
- Tổ chức xây dựng, thực hiện hệ thống quản lý, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO;
- Đánh giá tình trạng kỹ thuật xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc đề nghị của chủ phương tiện;
- Tham gia giám định sự cố, tai nạn giao thông liên quan đến an toàn kỹ thuật xe cơ giới theo yêu cầu của các cơ quan chức năng, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa;
- Thực hiện các hoạt động dịch vụ tư vấn kỹ thuật khác theo quy định; triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động liên quan khác khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước;
- Chấp hành và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng. Thực hiện các chế độ lưu trữ, báo cáo theo quy định;
- Tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, viên chức và người lao động theo phân cấp; thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức và người lao động theo quy định.

- Thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật. Được thu và sử dụng phí, lệ phí theo quy định;
- Thu hồi ấn chỉ đã cấp khi phát hiện các sai phạm hoặc xe cơ giới hết niên hạn sử dụng;
- Yêu cầu cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý các hành vi cản trở hoạt động của Trung tâm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở GTVT phân công.

– **Tài khoản ngân hàng và kho bạc Nhà nước:**

- TK VND số 110000112025 tại Ngân hàng Công Thương VN Chi Nhánh Tỉnh Hậu Giang.
- TK VND số 113000105272 tại Ngân hàng Công Thương VN Chi Nhánh Tỉnh Hậu Giang.
- TK VND số 120000015543 tại Ngân hàng Công Thương VN PGD Cái Lắt
- TK VND số 3713.0.10922300.00000 tại Kho bạc Nhà nước Châu Thành A.

4. Các thông tin khác

4.1. Tài sản lưu động

Trước khi các báo cáo tài chính của Trung tâm được lập, Ban Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Trung tâm đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc 31/12/2017.

4.2. Không có trường hợp nào dẫn đến các số liệu gây hiểu nhầm.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 nhằm phản ánh tình hình hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm.

4.3. Các nghiệp vụ trọng yếu và bất thường.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các hoạt động của Trung tâm năm 2017 được phản ánh trên báo cáo này không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.

4.4. Sự kiện sau ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm Toán & Định Giá Thăng Long – T.D.K (Chi nhánh miền Nam) được xét chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Trung tâm Đăng Kiểm Phương Tiện Giao Thông Thủy Bộ Hậu Giang cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.

6. Báo cáo của Ban Giám Đốc

Theo chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm, xét trên phương diện trọng yếu, đã được soạn thảo và trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình thu chi hoạt động sự nghiệp và kết quả hoạt động kinh doanh của Trung tâm Đăng Kiểm Phương Tiện Giao Thông Thủy Bộ Hậu Giang cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.

Ngày 27 tháng 06 năm 2018

Thay mặt Ban Giám Đốc
Giám Đốc
ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG THỦY BỘ
NGÔ MINH KHANG



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K CHI NHÁNH MIỀN NAM

THANG LONG – T.D.K AUDITING & VALUATION CO.,LTD (SOUTHERN BRANCH)

Office: C14, Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.28) 3589 7462/ 63 - (84.28) 2216 4309

Email: kiemtoantdk@gmail.com

Fax: (84.28) 3589 7464

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn

Số : 09218/TDK-KT

Ngày 27 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính niên độ 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm Đăng
Kiểm Phương Tiện Giao Thông Thủy Bộ Hậu Giang

Kính gửi: Các thành viên Ban Giám đốc.

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính niên độ 2017 của Trung tâm Đăng Kiểm Phương
Tiện Giao Thông Thủy Bộ Hậu Giang (dưới đây gọi tắt là Trung tâm) cho năm tài chính kết thúc
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Bảng cân đối tài khoản, Tổng hợp tình hình kinh phí và
quyết toán kinh phí đã sử dụng, Báo cáo thu - chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh
doanh, Báo cáo tình hình tăng giảm tài sản cố định và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài
chính kết thúc cùng ngày nêu trên, được trình bày từ trang 5 đến trang 17 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc Trung tâm chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài
chính của Trung tâm theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy
định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm
soát nội bộ mà Ban Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo
tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn
mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch
và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trung
tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các
số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán
của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do có gian lận
hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của

Trụ sở chính : Sân KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Chi nhánh Miền Nam : C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đồng Nai : E180 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tống, Phường Thạch Giản, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Chi nhánh Hà Nội : Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Chi nhánh Lạng Sơn : Số 319 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn

Tel: 024.4450 0668 Fax: 024.4450 0669

Tel: 028.3589 7462 Fax: 028.3589 7464

Tel: 0251.3918 769 Fax: 0251.3918 767

Tel: 0236.365 1818 Fax: 236 365 1860

Tel: 024.3540.9439 Fax: 024.3540 9439

Tel: 0205.3718 545 Fax: 0205.3716 3264

Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc năm tài chính do đó chúng tôi đã chưa thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và thu thập đầy đủ thư xác nhận công nợ của đơn vị. Ngoài ra, chúng tôi không thể sử dụng các biện pháp thay thế khác để khẳng định tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 31/12/2017. Vì vậy, chúng tôi chỉ kiểm tra tính hợp lý của các khoản mục này trên cơ sở chứng từ, sổ sách và các tài liệu liên quan do Trung tâm cung cấp.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng trên, xét trên phương diện trọng yếu các báo cáo tài chính đính kèm theo đây của **Trung tâm Đăng Kiểm Phương Tiện Giao Thông Thủy Bộ Hậu Giang**, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trung tâm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên, được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN VÕ HƯNG THỊNH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2826-2015-045-1



NGUYỄN VĂN DỤNG

Giám Đốc Chi Nhánh Miền Nam

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0346-2018-045-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm Toán & Định Giá Thăng Long – T.D.K

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN NĂM 2017

TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền Mặt	270.859,472	-	25,369,962,961	25,355,094,279	285,728,154	-
1111	Tiền Mặt-Việt Nam Đ	270.859,472	-	25,369,962,961	25,355,094,279	285,728,154	-
112	Tiền gửi Ngân hàng, kho bạc	3,353,738,960	-	26,056,604,383	25,686,501,187	3,723,842,156	-
1121A	Tiền gửi kho bạc	-	-	-	-	-	-
1121B	Tiền gửi ngân hàng	3,353,738,960	-	26,056,604,383	25,686,501,187	3,723,842,156	-
113	Tiền đang chuyển	-	-	412,780,000	412,780,000	-	-
1131	Tiền Việt Nam đang chuyển	-	-	412,780,000	412,780,000	-	-
153	Công cụ, dụng cụ	-	-	8,727,270	-	8,727,270	-
211	TSCĐ Hữu hình	5,083,978,614	-	38,662,083	38,662,083	5,083,978,614	-
2111	Nhà cửa vật kiến trúc	1,747,073,364	-	-	15,828,083	1,731,245,281	-
2112	Máy móc thiết bị	3,303,377,333	-	-	22,834,000	3,280,543,333	-
2113	Phương tiện vận tải truyền dẫn	21,337,917	-	38,662,083	-	60,000,000	-
2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý	12,190,000	-	-	-	12,190,000	-
214	Hao mòn TSCĐ	-	3,433,001,080	-	205,345,838	-	3,638,346,918
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	-	3,433,001,080	-	205,345,838	-	3,638,346,918
311	Các khoản khấu trừ	-	-	35,346,544	35,346,544	-	-
3111	Phải thu của khách hàng	-	-	-	-	-	-
3113	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	35,346,544	35,346,544	-	-
31131	Thuế GTGT được khấu trừ của HH, DV	-	-	35,346,544	35,346,544	-	-
312	Tạm ứng	14,195,900	-	-	-	14,195,900	-
331	Các khoản phải trả	25,463,285	-	254,538,267	327,457,121	-	47,455,569
3311	Phải trả cho người bán	25,463,285	-	254,538,267	327,457,121	-	47,455,569
332	Các khoản phải nộp theo lương	-	-	283,696,688	285,250,682	-	1,553,994
3321	Bảo hiểm xã hội	-	-	214,720,882	214,720,882	-	-
3322	Bảo hiểm y tế	-	-	37,713,032	37,713,032	-	-
3323	Kinh phí công đoàn	-	-	15,804,976	17,358,970	-	1,553,994
3324	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	15,457,798	15,457,798	-	-

TRUNG TÂM ĐĂNG KÍỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THỦY BỘ HẠ GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN NĂM 2017

TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
333	Các khoản phải nộp nhà nước	-	208,806,623	21,694,027,674	21,707,300,292	-	222,079,241
3331	Thuế GTGT Phải nộp	-	103,215,825	388,619,402	369,242,347	-	83,838,770
33311	Thuế GTGT đầu ra	-	103,215,825	388,619,402	369,242,347	-	83,838,770
3332	Phí, lệ phí	-	-	20,945,651,376	21,004,086,376	-	58,435,000
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	105,590,798	358,756,896	332,971,569	-	79,805,471
3337	Các khoản phải nộp khác	-	-	1,000,000	1,000,000	-	-
334	Phải trả công chức, viên chức	915,466,504	-	2,342,345,801	2,516,932,879	740,879,426	-
3341	Phải trả công chức, viên chức	915,466,504	-	2,342,345,801	2,516,932,879	740,879,426	-
411	Nguồn vốn kinh doanh	-	1,948,559,352	1,948,559,352	-	-	-
421	Chênh lệch thu chi chưa xử lý	-	1,920,464,523	3,585,322,370	1,664,857,847	-	-
4212	Chênh lệch thu chi hoạt động SX KD	-	1,920,464,523	3,585,322,370	1,664,857,847	-	-
431	Các quỹ	-	1,900,002,817	1,592,437,887	4,194,719,172	-	4,502,284,102
4311	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	246,469,088	325,448,542	548,008,768	-	469,029,314
4313	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	-	370,536,312	1,227,576,100	2,192,035,063	-	1,334,995,275
4314	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	-	1,282,997,417	39,413,245	1,454,675,341	-	2,698,259,513
461	Nguồn kinh phí hoạt động	-	603,658,986	1,159,419,830	555,760,844	-	-
4611	Nguồn KPSN năm trước	-	603,658,986	603,658,986	-	-	-
46111	Nguồn kinh phí thường xuyên	-	603,658,986	603,658,986	-	-	-
4612	Nguồn KPSN năm nay	-	-	555,760,844	555,760,844	-	-
46121	Nguồn kinh phí thường xuyên	-	-	555,760,844	555,760,844	-	-
466	Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	-	46,200,690	549,128,346	1,948,559,352	-	1,445,631,696
511	Các khoản thu	-	-	21,251,572,000	21,251,572,000	-	-
5111	Thu phí, lệ phí	-	-	21,251,572,000	21,251,572,000	-	-
531	Thu hoạt động SX, KD	-	-	3,709,574,160	3,709,574,160	-	-
5311	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	3,709,574,160	3,709,574,160	-	-
631	Chi phí hoạt động sản xuất KD	-	-	2,044,716,313	2,044,716,313	-	-
6317	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	2,044,716,313	2,044,716,313	-	-
643	Chi phí trả trước	8,727,270	-	-	8,727,270	-	-
6431	Chi phí trả trước ngắn hạn	8,727,270	-	-	8,727,270	-	-

TRUNG TÂM ĐĂNG KÍỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THỦY BỘ HẬU GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN NĂM 2017

TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
661	Chi hoạt động	388,264,066	-	555,760,844	944,024,910	-	-
6611	Năm trước	388,264,066	-	-	388,264,066	-	-
66111	Chi thường xuyên	388,264,066	-	-	388,264,066	-	-
6612	Năm nay	-	-	555,760,844	555,760,844	-	-
66121	Chi thường xuyên	-	-	555,760,844	555,760,844	-	-
	TỔNG CỘNG	10,060,694,071	10,060,694,071	112,893,182,773	112,893,182,773	9,857,351,520	9,857,351,520

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 06 năm 2018

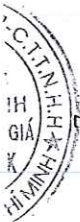
Giám Đốc



PHAN THỊ THANH DIỄN

PHAN THỊ THANH DIỄN

NGUYỄN MINH KHANG



TRUNG TÂM ĐĂNG KÍỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THỦY BỘ HẬU GIANG

PHẦN II. TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: VND

Loại Khoản	Nhóm mục chi	Mục	Tiêu	Nội dung chi	Mã số	Tổng số	Ngân sách nhà nước				Viện trợ	Nguồn khác
							Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại			
A	B	C	D	E	H	1	2	3	4	5	6	
				I- CHI HOẠT ĐỘNG	100	6.185,799,527	555,760,844	92,880,300	462,880,544	-	-	5,630,038,683
				I- Chi thường xuyên	101	2.600,477,157	555,760,844	92,880,300	462,880,544	-	-	2,044,716,313
231				Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải		2.600,477,157	555,760,844	92,880,300	462,880,544	-	-	2,044,716,313
		6000		Tiền lương		853,384,456	-	-	-	-	-	853,384,456
				- Lương ngạch, bậc theo quỹ lương		615,911,533	-	-	-	-	-	615,911,533
			6001	được duyệt			-	-	-	-	-	237,472,923
			6003	- Lương hợp đồng dài hạn		237,472,923	-	-	-	-	-	79,711,227
		6100		Phụ cấp lương		79,711,227	-	-	-	-	-	12,048,000
			6101	- Phụ cấp chức vụ		12,048,000	-	-	-	-	-	53,766,845
			6106	- Phụ cấp thêm giờ		53,766,845	-	-	-	-	-	3,012,000
			6113	- Phụ cấp theo nghề, theo công việc		3,012,000	-	-	-	-	-	10,884,382
			6114	- Phụ cấp trực		10,884,382	-	-	-	-	-	23,223,000
		6250		Phúc lợi tập thể, y tế vệ sinh		23,223,000	-	-	-	-	-	23,223,000
			6256	- Tiền khám bệnh định kỳ		23,223,000	-	-	-	-	-	197,522,607
		6300		Các khoản đóng góp		197,522,607	-	-	-	-	-	147,368,070
			6301	- Bảo hiểm xã hội		147,368,070	-	-	-	-	-	25,094,982
			6302	- Bảo hiểm y tế		25,094,982	-	-	-	-	-	17,358,970
			6303	- Kinh phí công đoàn		17,358,970	-	-	-	-	-	7,700,585
			6304	- Bảo hiểm thất nghiệp		7,700,585	-	-	-	-	-	116,625,000
				Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		116,625,000	-	-	-	-	-	116,625,000
		6400		Tiền ăn		116,625,000	-	-	-	-	-	68,703,616
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng		68,703,616	-	-	-	-	-	41,599,017
			6501	- Chi thanh toán tiền điện		41,599,017	-	-	-	-	-	26,444,599
			6503	- Thanh toán tiền nhiên liệu		26,444,599	-	-	-	-	-	660,000
			6504	- Thanh toán tiền vệ sinh môi trường		660,000	-	-	-	-	-	60,121,545
		6550		Vật tư văn phòng		88,550,545	28,429,000	11,271,000	17,158,000	-	-	23,117,000
			6551	- Văn phòng phẩm		47,456,000	24,339,000	11,271,000	13,068,000	-	-	25,681,818
			6552	- Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng		25,681,818	-	-	-	-	-	11,322,727
			6599	- Vật tư văn phòng khác		15,412,727	4,090,000	-	4,090,000	-	-	48,293,812
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		48,293,812	-	-	-	-	-	1,458,481
			6601	- Cước phí điện thoại trong nước		1,458,481	-	-	-	-	-	5,585,331
			6603	- Cước phí bưu chính		5,585,331	-	-	-	-	-	

Phong
NHÀ
TỔNG
HỢP
DỮ LIỆU

TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THỦY BỘ HẬU GIANG

Loại Khoản	Nhóm mục chi	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Mã số	Tổng số	Ngân sách nhà nước				Viện trợ	Nguồn khác
							Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại			
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	5	6
				6606	- Tuyến truyền		10.000.000	-				10.000.000
				6617	- Cước phí Internet, phương tiện điện tử		6.050.000	-				6.050.000
				6618	- Khoán điện thoại		10.200.000	-				10.200.000
				6649	- Khác		15.000.000	-				15.000.000
			6700		Công tác phí		63.222.907	-	-	-		63.222.907
				6701	- Tiền vé máy bay, tàu xe		6.060.000	-				6.060.000
				6702	- Phụ cấp công tác phí		19.401.818	-				19.401.818
				6703	- Tiền thuê phòng ngủ		26.299.089	-				26.299.089
				6704	- Khoán công tác phí		10.800.000	-				10.800.000
				6749	- Khác		662.000	-	-	-		662.000
			6750		Chi phí thuê mượn		24.200.000	-	-	-		24.200.000
				6751	- Thuê phương tiện vận chuyển		3.000.000	-				3.000.000
				6758	- Thuê đảo tạo lại cán bộ		21.200.000	-				21.200.000
			6900		Sửa chữa TX TSCĐ phục vụ công tác chuyên môn		149.701.181	35.000.000	28.140.000	6.860.000	-	114.701.181
				6905	- Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng		74.620.000	-		-		74.620.000
				6907	- Nhà cửa		10.072.545	-		-		10.072.545
				6912	- Thiết bị tin học		34.748.636	10.915.000	6.360.000	4.555.000		23.833.636
				6913	- Máy photocopy		20.680.000	14.505.000	12.200.000	2.305.000		6.175.000
				6949	- Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		9.580.000	9.580.000				
			7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		227.635.052	84.387.869	52.719.300	31.668.569	-	143.247.183
				7002	- Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng (không phải là tài sản cố định)		43.271.000	-		-		43.271.000
				7003	- Chi mua, in ấn, phô tô tài liệu chỉ dùng cho chuyên môn của ngành		105.783.573	76.963.300	52.719.300	24.244.000		28.820.273
				7004	- Đồng phục, trang phục		40.000.000	-				40.000.000
				7005	- Bảo hộ lao động		225.000	-				225.000
				7006	- Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành		640.000	-		-		640.000
				7049	- Chi phí khác		37.715.479	7.424.569		7.424.569		30.290.910

TRUNG TÂM ĐĂNG KÍỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THỦY BỘ HẬU GIANG

Loại Khoản	A	B	Nhóm mục chi	Mục	D	E	Tiêu	Nội dung chi	Mã số	Tổng số	Ngân sách nhà nước				Viện trợ	Nguồn khác
											Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại			
								G	H	1	2	3	4	5	6	
				7750				Chi khác		61,117,891	6,903,000	750,000	6,153,000	-	54,214,891	
						7756		- Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán		1,418,800	44,000		44,000		1,374,800	
						7761		- Chi tiếp khách		51,733,091	3,557,000		3,557,000		48,176,091	
						7799		- Chi các khoản khác		7,966,000	3,302,000	750,000	2,552,000		4,664,000	
								Trích lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu		598,585,863	401,040,975	-	401,040,975	-	197,544,888	
				7950												
						7951		- Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập của cơ quan Nhà nước thực hiện chế độ tư chủ, đơn vị sự nghiệp công lập		240,624,583			240,624,583			
						7952		- Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp công lập		30,078,074	30,078,074		30,078,074			
						7953		- Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp công lập		30,078,074	30,078,074		30,078,074			
						7954		- Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp		100,260,244	100,260,244		100,260,244			
						7999		- Khác		197,544,888	-				197,544,888	
								2- Chi không thường xuyên	102	3,252,350,801	-				3,252,350,801	
								- Chi lập quỹ khen thưởng		243,926,310	-				243,926,310	
								- Chi lập quỹ phúc lợi		243,926,310	-				243,926,310	
								- Chi lập quỹ ổn định thu nhập		1,951,410,480	-				1,951,410,480	
								- Chi lập quỹ phát triển sự nghiệp		813,087,701	-				813,087,701	
								3- Nộp ngân sách Nhà nước		332,971,569					332,971,569	
								Thuế thu nhập doanh nghiệp		332,971,569	-				332,971,569	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 06 năm 2018

Giám Đốc



NGO MINH KHANG

PHAN THỊ THANH DIỄN

PHAN THỊ THANH DIỄN

BÁO CÁO THU CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Mã số	Tổng số	Trong đó				Hoạt động khác
				Phí cấp giấy chứng nhận	Phí đăng kiểm	Lãi tiền gửi	Phí sử dụng đường bộ	
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang	01	1,920,464,523	-	1,903,749,398	16,715,125		
2	Thu trong kỳ	02	24,961,146,160	627,770,000	3,692,412,653	17,161,507	20,623,802,000	-
	Lũy kế từ đầu năm	03	24,961,146,160	627,770,000	3,692,412,653	17,161,507	20,623,802,000	-
3	Chi trong kỳ	04	2,044,716,313	-	2,044,716,313	-	-	-
	Trong đó:							
	- Giá vốn hàng bán	05	-	-			-	
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	06	2,044,716,313	-	2,044,716,313			-
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	07	-	-				
	Lũy kế từ đầu năm	08	-	-	-	-	-	-
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này (09=01+02-04)	09	24,836,894,370	627,770,000	3,551,445,738	33,876,632	20,623,802,000	-
	Lũy kế từ đầu năm	10	24,836,894,370	627,770,000	3,551,445,738	33,876,632	20,623,802,000	-
5	Nộp NSNN kỳ này	11	21,337,057,945	627,770,000	329,539,267	3,432,302	20,376,316,376	
	Lũy kế từ đầu năm	12	21,337,057,945	627,770,000	329,539,267	3,432,302	20,376,316,376	-

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỆM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THỦY BỘ HẬU GIANG

STT	Chi tiêu	Mã số	Tổng số	Trong đó					Hoạt động khác
				Phí cấp giấy chứng nhận	Phí đăng kiểm	Lãi tiền gửi	Phí sử dụng đường bộ		
A	B	1	2	2	3	4	5	6	
6	Nộp cấp trên kỳ này	13	-	-					
	Lũy kế từ đầu năm	14	-	-					
7	Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này	15	247,485,624				247,485,624		
	Lũy kế từ đầu năm	16	247,485,624				247,485,624		
8	Trích lập các quỹ kỳ này	17	3,252,350,801	-	3,221,906,471	30,444,330	-		
	Lũy kế từ đầu năm	18	3,252,350,801	-	3,221,906,471	30,444,330	-	-	
9	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ này (19=01+09-11-13-15-17)	19	-	-	-	-	-	-	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 06 năm 2018

Giám Đốc



PHAN THỊ THANH DIỄN

PHAN THỊ THANH DIỄN

NGÔ MINH KHANG



TRUNG TÂM ĐĂNG KÍỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THỦY BỘ HẬU GIANG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Loại TSCĐ Nhóm TSCĐ	ĐVT	Số đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số cuối năm	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I	TSCĐ hữu hình			5,083,978,614		38,662,083		38,662,083		5,083,978,614
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc			1,747,073,364		-		15,828,083		1,731,245,281
1.2	Máy móc, thiết bị			3,303,377,333		-		22,834,000		3,280,543,333
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn			21,337,917		38,662,083				60,000,000
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý			12,190,000		-				12,190,000
1.5	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm									-
1.6	TSCĐ hữu hình khác			-		-		-		-
II	TSCĐ vô hình			-		-				-
2.1	Quyền sử dụng đất			-		-				-
2.2	Phần mềm máy tính			-		-				-
	Cộng			5,083,978,614		38,662,083		38,662,083		5,083,978,614

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 06 năm 2018



PHAN THỊ THANH DIỄN

PHAN THỊ THANH DIỄN

NGÔ MINH KHANG

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THỦY BỘ HẬU GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính đính kèm.

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP TRONG NĂM

1. Tình hình biên chế, lao động, quỹ lương

- Số CNVC có mặt tại ngày 31/12/2017: 21 người
- Trong đó: Lương hợp đồng, thử việc: 6 người
- Tăng trong năm: 1 người
- Giảm trong năm: 1 người
- Tổng quỹ lương thực hiện cả năm: 868.444.456 đồng

2. Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản

- Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Hậu Giang về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải.
- Quyết định số 138 ngày 30 tháng 03 năm 2017 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang về việc giao dự toán bổ sung kinh phí cho Trung tâm Đăng kiểm Phương tiện giao thông thủy bộ.
- Kinh phí phục vụ hoạt động thu lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn năm 2017: Dự toán chi ngân sách Nhà nước là 121.000.000 đồng; kinh phí đề nghị quyết toán là 92.880.300 đồng; thu lệ phí cấp giấy chứng nhận 627.770.000 đồng; nộp ngân sách Nhà nước lệ phí cấp giấy chứng nhận 627.770.000 đồng.
- Dự toán thu được để lại: 3.950.000.000 đồng.
- Thực hiện thu: 3.957.059.784 đồng (bao gồm lãi tiền gửi là 17.161.507 đồng, thu dịch vụ đăng kiểm chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 3.692.412.653 đồng, trích 1,2% số tiền thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô là 247.485.624 đồng).
- Nộp ngân sách Nhà nước: thuế GTGT đầu ra 369.242.347 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp 332.971.569 đồng.
- Thu hộ phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô là 20.623.802.000 đồng.
- Các hoạt động của Trung tâm:
 - Kiểm định được 12.075 lượt phương tiện xe cơ giới; 1.013 lượt phương tiện thủy nội địa, giám định tình trạng kỹ thuật xe cơ giới sửa chữa của các cơ quan theo yêu cầu của sở Tài chính 21 phương tiện và nghiệm thu xe cơ giới sau cải tạo 81 phương tiện thu được 4.689.425.000 đồng, đạt 123,41% kế hoạch năm 2017 (3.800.000.000 đồng) và đạt 85,34% so với cùng kỳ 2016 (5.494.879.000 đồng).
 - Hoạt động dịch vụ đăng kiểm: căn cứ thông tư 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/16 của Bộ Tài chính, quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy bộ nội địa và Thông tư 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính, quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới,

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THỦY BỘ HẬU GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính đính kèm.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NỢ NGÂN SÁCH VÀ NỢ CẤP TRÊN

STT	Chỉ tiêu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số còn phải nộp
A	B	1	2	3
I	Nợ ngân sách	21,916,106,915	21,694,027,674	222,079,241
	- Thuế giá trị gia tăng	472,458,172	388,619,402	83,838,770
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	438,562,367	358,756,896	79,805,471
	- Các khoản phí, lệ phí	21,004,086,376	20,945,651,376	58,435,000
	- Các loại thuế khác	1,000,000	1,000,000	-
II	Nợ cấp trên	-	-	-
	Cộng	21,916,106,915	21,694,027,674	222,079,241

V. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét:

Với các chức năng và nhiệm vụ mà Sở Giao thông vận tải giao phó, Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông thủy bộ Hậu Giang cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

2. Kiến nghị:

Kính đề nghị Sở Giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang cùng các sở ban ngành khác tạo điều kiện thuận lợi để Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông thủy bộ Hậu Giang sớm thực hiện kế hoạch cổ phần hóa thành công. Qua đó, Trung tâm có thể thu hút được nguồn vốn của các nhà đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh góp phần làm giàu cho đất nước.

Lãnh đạo trung tâm cần có tầm nhìn, định hướng và kế hoạch kinh doanh hiệu quả trong ngành nghề và lĩnh vực hoạt động của mình.

Cán bộ nhân viên của Trung tâm cần rèn luyện tư duy năng động sáng tạo, nhiệt huyết xây dựng một môi trường lao động hiệu quả, cạnh tranh phù hợp với cơ chế thị trường.

Người lập biểu

PHAN THỊ THANH DIÊN

Kế toán trưởng

PHAN THỊ THANH DIÊN

Ngày 27 tháng 06 năm 2018

Giám Đốc



NGÔ MINH KHANG

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG T.D.K AUDITING AND VALUATION CO.,LTD

- * **Trụ sở chính:**
Sân KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- * **Chi nhánh Miền Nam (TP.HCM)**
C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- * **Chi nhánh Miền Trung (Đà Nẵng)**
Số 42 Trần Tổng , Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
- * **Chi nhánh Miền Bắc**
Số 6 Ngõ 92 Phố Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- * **Chi nhánh Hà Nội**
Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- * **Chi nhánh Đông Bắc**
Số 319 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn
- * **Chi nhánh Đồng Nai**
E180 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
- * **VPĐD Hà Nội**
Số 41, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- * **VPĐD Hà Đông**
Khu biệt thự liền kề C22-TT7, Phường Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
- * **VPĐD Ba Vì**
Thôn 7, Xã Ba Trại, Huyện Ba Vì, TP. Hà Nội
- * **VPĐD Hưng Yên**
Số 96 Vũ Trọng Phụng, Phường Lê Lợi, TP. Hưng Yên, T. Hưng Yên
- * **VPĐD Bắc Giang**
Số 312 Giáp Hải, Xã Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang
- * **VPĐD Cao Bằng**
Số 022, Tổ 5, Phường Sông Bằng, TP. Cao Bằng, T. Cao Bằng
- * **VPĐD Thái Bình**
Số 95 Doãn Khuê, Phường Phú Khánh, TP. Thái Bình, T. Thái Bình
- * **VPĐD Lạng Sơn**
Số 32 Nguyễn Tri Phương, Phường Đông Kinh, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn
- * **VPĐD Vĩnh Phúc**
Số 35 Khu đô thị mới Hà Tiên, Xã Định Trung, TP. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc
- * **VPĐD Quảng Nam**
Số 44 Trương Chí Cương, Phường Hòa Thuận, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam
- * **VPĐD Quảng Bình**
Số 243 Quang Trung, Phường Phú Hải, TP. Đồng Hới, T. Quảng Bình
- * **VPĐD Hà Tĩnh**
Số 18 Đặng Dung, Phường Nam Hà, TP. Hà Tĩnh, T. Hà Tĩnh
- * **VPĐD Cà Mau**
Số 43B Chung Thành Châu, Khóm 4, Phường 5, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau